

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin và chuyển đổi số
năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 của ngành Giáo dục;

Căn cứ Văn bản số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thống kê giáo dục năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 216-KH/TU ngày 28/4/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Kế hoạch số 2185/KH-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Công văn số 3014/SGDĐT-QLCL ngày 06/10/2025, của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin, chuyển đổi số và Đề án 06 năm học 2025-2026.

Trường PTDTBT TH Hẹ Muông xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tham mưu, triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường.

2. Đẩy nhanh tiến độ triển khai và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” và Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng

dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1905/KH-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 832/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin ngành GDĐT tỉnh Điện Biên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 585/KH-UBND ngày 03/03/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 1012/KH-SGDĐT ngày 29/4/2022 của Sở GDĐT về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Giáo dục, giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 902/KH-SGDĐT ngày 20/4/2022 của Sở GDĐT về việc Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 ngành Giáo dục.

5. Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng số quốc gia về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung của trường, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

6. Tiếp tục triển khai cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tiếp tục triển khai học bạ số.

7. Rà soát, chuẩn hoá các hệ thống phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý, dạy và học trong nhà trường để tránh lạm dụng, triển khai chồng chéo, trùng lặp, gây lãng phí, khai thác kém hiệu quả, mất nhiều công sức khi vận hành sử dụng; nghiên cứu triển khai thống nhất, tích hợp đồng bộ các hệ thống theo khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh, sẵn sàng kết nối liên thông, tích hợp với các hệ

thông cơ sở dữ liệu khác theo yêu cầu.

8. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT đảm bảo đạt chuẩn về trình độ, tiếp cận và làm chủ công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và hội nhập; nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

9. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu trong toàn ngành.

10. Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Nghiên cứu, áp dụng triển khai các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng kết hợp, tăng tương tác, trải nghiệm phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế (lớp học thông minh, học tương tác, tự học với trợ lý ảo). Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có trách nhiệm, có lộ trình phù hợp với từng cấp học, từng địa phương, từng nhóm đối tượng với quan điểm lấy người học làm trung tâm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng tiên phong, thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

b) Triển khai xây dựng phần mềm kho học liệu số theo hướng đồng bộ, liên thông. Kho học liệu số bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của ngành, của Bộ GDĐT trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

c) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện (cần xác định các bước thực hiện một cách phù hợp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả).

d) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, kỹ năng đảm bảo an toàn an ninh thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo...

e) Triển khai hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện

và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

f) Triển khai đồng bộ giải pháp phần mềm quản lý, phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục đồng bộ từ Sở GDĐT. Phần mềm phải được liên thông và khai thác cơ sở dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT, của tỉnh.

g) Ưu tiên kinh phí, nhân lực, hạ tầng để triển khai phòng học thông minh tại nhà trường đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất và nhân lực vận hành, khai thác sử dụng.

h) Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

2. Chuyển đổi số trong quản trị và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Tiếp tục duy trì, triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, quản lý kế toán; đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu giáo dục địa phương và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; tích hợp đăng nhập xác thực bằng tài khoản định danh điện tử cho cán bộ giáo viên trên ứng dụng VNeID của Bộ Công an.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử như sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử (trong đó học bạ điện tử phải thực hiện năm học 2025-2026), chữ ký số điện tử; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của nhà trường.

c) Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu GDĐT trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GDĐT; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và học sinh; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục của Bộ và của tỉnh theo từng kỳ học.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục; Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo các mô hình điểm của Đề án 06 trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, thực hiện chi trả chế độ chính sách cho học sinh theo phương thức không dùng tiền mặt thông qua phần mềm.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó ưu tiên một số dịch vụ:

Đẩy mạnh thực hiện thanh toán các khoản thu theo phương thức không dùng tiền mặt thông qua giải pháp phần mềm quản lý. Ưu tiên sử dụng các hình thức thanh toán trực tuyến; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Về công tác truyền thông

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên, học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên vào ngày 10/10 hàng năm.

2. Về tổ chức, quản lý, triển khai

Rà soát, ban hành đầy đủ các quy chế, quy định về quản lý, duy trì và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT, hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với hệ thống phần mềm triển khai tại đơn vị; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, sử dụng hệ thống; triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

Phân công lãnh đạo ntrường phụ trách và viên chức CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT

Tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ, chú trọng đến việc ổn định cán bộ phụ trách CNTT. Khuyến khích cán bộ, giáo viên nhà trường trong việc tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc. Chủ động tiếp cận, làm quen với các nội dung chuyển đổi số và ứng dụng nó trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo về công nghệ thông tin để nâng cao trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục

- Rà soát hệ thống máy tính tại các nhà trường để bảo trì, nâng cấp, sửa chữa, thay thế các máy tính đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng, bố trí phân bổ hợp lý số lượng để đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; phủ sóng mạng Wifi.

- Nghiên cứu triển khai mô hình phòng học thông minh, trường học thông minh đáp ứng được yêu cầu.

- Chủ động tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường sử dụng dạy - học trực tuyến.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục. Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về an toàn, an ninh bảo mật thông tin dữ liệu, phổ biến quán triệt rộng rãi trong cán bộ, giáo viên kiến thức, kỹ năng, quy định về an toàn dữ liệu, an toàn và an ninh thông tin trong quá trình sử dụng Internet và hoạt động của Website nhà trường, mạng xã hội...

5. Về thi đua, khen thưởng

Kịp thời khen thưởng đơn vị, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Xử lý các trường hợp không hoàn thành nội dung nhiệm vụ hoặc vi phạm quy chế hoạt động thuộc lĩnh vực ứng dụng CNTT. Xem xét đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, Đề án 06 thành một trong các tiêu chí đánh giá thi đua trong năm học.

IV. THÔNG TIN BÁO CÁO

Thực hiện nghiêm túc quy định về báo cáo định kỳ như sau:

1. Đầu năm học

- Cập nhật dữ liệu trên hai phần mềm quan trọng là: cơ sở dữ liệu quốc gia <http://csdl.moet.gov.vn>; phần mềm phổ cập giáo dục; phần mềm <https://vnedu.vn>

2. Cuối học kỳ I

- Cập nhật, báo cáo dữ liệu trên phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia <http://csdl.moet.gov.vn>.

- Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT học kỳ I năm học 2025-2026 (nội dung nêu ngắn gọn các kết quả đã thực hiện);

3. Cuối năm học

- Cập nhật, báo cáo dữ liệu trên phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia

<http://csdl.moet.gov.vn>

- Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT năm học 2025-2026 (nội dung nêu ngắn gọn các kết quả đã thực hiện được trong năm học);

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao nhiệm vụ cho giáo viên tin học phụ trách CNTT và chuyển đổi số của trường, tham mưu giúp nhà trường triển khai tổ chức thực hiện các nội dung về Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong năm học.

Các tổ chuyên môn lồng ghép các nội dung về ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học và các nội dung chuyển đổi số trong việc chỉ đạo thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao. Phối hợp chặt chẽ triển khai các nội dung chuyển đổi số trong nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025-2026 của trường TPĐTBTH Hẹ Muông yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng VH-XH xã;
- BGH, Tổ trưởng
- Giáo viên, nhân viên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Tấn